

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 01 - 2022

V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông: Lê Hồng Sơn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông: Trương Quang Lương.

Bà: Lê Thị Thúy Mai.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Tuyết Nga - Thư ký TAND thành phố Đồng Hới.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 237/2021 TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/12/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 184/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mai A, sinh năm: 1990; nơi ĐKKH thường trú: TDP x, phường Đ, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ căn báo: Số nhà x đường T, phường Đ, TP. Đ, tỉnh Q.. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Dương Duy T, sinh năm: 1987; nơi ĐKKH TT: TDP x, phường Đ, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ cư trú hiện nay: Số nhà 48 đường C, phường Đ, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/8/2021, bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai A và anh Dương Duy T có đăng ký kết hôn vào ngày 11/10/2013, tại UBND phường Đ, TP. Đ, Quảng Bình, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với bố mẹ anh T vợ chồng ra thuê nhà ở riêng được khoảng 4 tháng, thời gian đầu vợ chồng

chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cách sống, tính cách trái ngược nhau, thiếu tôn trọng nhau dẫn đến vợ chồng không hòa hợp, anh T hay ghen tuông vô cớ, xúc phạm nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình nội ngoại tổ chức hòa giải nhưng vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng thêm. Từ tháng 9/2021 chị A đưa con về nhà bố mẹ đẻ của chị ở, anh T nhà trọ về ở với bố mẹ anh tại nhà số 48 đường C, phường Đ, vợ chồng sống ly thân mỗi người sống mỗi nơi không ai quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng phai nhạt. Vợ chồng đã được hòa giải viên tổ chức hòa giải nhưng không thành. Nay chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Dương Văn Chí D, sinh ngày: 06/3/2014, cháu Dương Đan M. sinh ngày 20/11/2015 hiện các cháu đang ở với mẹ. Sau ly hôn chị A xin được nuôi hai con yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Trong bản tự khai ngày 01/11/2021, bị đơn anh Dương Duy T trình bày: Về quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống đúng như chị A đã trình bày, vợ chồng kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, có xảy ra một số mâu thuẫn nhỏ nhưng chưa đến mức trầm trọng dẫn đến ly hôn. Do đó, anh T không đồng ý ly hôn để vợ chồng cùng nuôi dạy con trưởng thành.

Trước khi Tòa án thụ lý vụ án, tại phiên hòa giải do hòa giải viên tổ chức ngày 14/10/2021 anh T cũng đã trình bày vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do vợ anh muốn có sự riêng tư thoải mái và anh T đã đọc được những tin nhắn của chị A nhắn tin cho người đàn ông khác nên khuyên chị A từ bỏ nhưng chị A vẫn không thay đổi; từ đó vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã, bất hòa. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân nhưng vẫn liên lạc với nhau qua điện thoại. Anh T thấy thương con nên không muốn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Dương Văn Chí D, sinh ngày: 06/3/2014, cháu Dương Đan M sinh ngày 20/11/2015 hiện các cháu đang ở với mẹ. Trong trường hợp Tòa cho chị A ly hôn anh T xin được nuôi hai con mà không yêu cầu chị A đóng góp cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai A, đây là vụ án hôn nhân gia đình về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại TP. Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Xét quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã đến Tòa tự khai. Sau đó tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Dương Duy T đều vắng mặt không có lý do, tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập bị đơn đến phiên tòa đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, tại phiên tòa ngày 30/12/2021 anh T vắng mặt lần thứ nhất nên Tòa án đã hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa có ấn định thời gian địa điểm mở lại phiên tòa lần thứ hai đã được tổng đạt hợp lệ cho bị đơn, tại phiên tòa hôm nay anh T tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai A và anh Dương Duy T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Lẽ ra, anh chị phải biết thương yêu, chung thủy, nhường nhịn, tôn trọng nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại, anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững, thời gian gần đây vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng, tôn trọng nhau, hai bên sống ly thân không ai quan tâm đến ai; chị A xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống hạnh phúc kiên quyết xin được ly hôn. Trong bản tự khai và hòa giải viên hòa giải tại tòa án anh T có nguyện vọng mong muốn vợ chồng trở lại đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con. Tuy nhiên, sau đó Tòa án triệu tập hòa giải để hai bên trở lại đoàn tụ, anh T lại bỏ mặc không đến Tòa để được hòa giải và không có biện pháp gì để níu kéo hạnh phúc, vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong đời sống. Điều này chứng tỏ rằng mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho vợ chồng ly hôn là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị A và anh T đều thống nhất vợ chồng có 02 con chung cháu Dương Văn Chí D, sinh ngày: 06/3/2014, cháu Dương Đan M, sinh ngày 20/11/2015 hiện các cháu đang ở với mẹ. Trong trường hợp Tòa cho vợ chồng ly hôn chị A xin được nuôi hai con yêu cầu anh T đóng góp cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng. Anh T cũng xin được nuôi con, không yêu cầu chị A phải đóng góp cấp dưỡng.

Xét nguyện vọng và điều kiện của hai bên thấy rằng nguyện vọng được trực tiếp nuôi con sau ly hôn là nguyện vọng chính đáng, thể hiện tình cảm trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái; được trực tiếp nuôi con vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của mỗi người. Tuy nhiên, anh T có yêu cầu nuôi con nhưng không đến T để tranh chấp; hiện nay các cháu đều còn nhỏ, lâu nay anh em ở cùng nhau đã quen sống với mẹ; nếu giao cho mỗi người nuôi một cháu thì ảnh hưởng không tốt đến tâm lý tình cảm của anh em các cháu. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận đề nghị của chị A, giao 2 cháu cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng buộc T phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 2/2022 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp điều kiện hoàn cảnh thực tế và hoàn toàn phù hợp quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Hai bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mai A phải chịu án phí ly hôn, Dương Duy T phải chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Nguyễn Thị Mai A được ly hôn anh Dương Duy T.

**2. Về quan hệ con chung:** Giao 2 cháu Dương Văn Chí D, sinh ngày: 06/3/2014 và Dương Đan M, sinh ngày 20/11/2015 cho chị Nguyễn Thị Mai A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; buộc anh Dương Duy T phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 2/2022 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

**3. Về tài sản chung:** Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Nguyễn Thị Mai A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn; số tiền chị A phải nộp được khấu trừ từ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Đồng Hới theo biên lai

số 31AA/2021/ 0001012 ngày 15 tháng 10 năm 2021. Anh Dương Duy T phải chịu 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung quỹ nhà nước.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Đồng Hới;
- TAND Tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA DS TP Đồng Hới;
- Các đương sự.
- UBND phường Đồng Phú, ĐH, QB;
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

***Lê Hồng Sơn***